

Số: 1416/2022/QĐST-HNGĐ

*Biên Hòa, ngày 21 tháng 7 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ Việc dân sự thụ lý số 1949/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con chung và chia tài sản chung”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Phường TH, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bà Mai Thị H, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Phường Đ, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nhận được đơn yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung và chia tài sản chung” của ông Nguyễn Quang T và bà Mai Thị H. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông T, bà H thống nhất không đoàn tụ, xin được công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 13/7/2022. Ông T, bà H hiện đang cư trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai, đã nộp tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, đơn yêu cầu của ông T, bà H được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

## **[2] Về nội dung đơn yêu cầu:**

Ông Nguyễn Quang T và bà Mai Thị H tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường TH, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/11/2018. Ông T, bà H có 02 con chung là Nguyễn Thiên V, sinh ngày 11/7/2014 và cháu Mai Khả D, sinh ngày 19/10/2016. Ly hôn, hai bên thỏa thuận giao cả hai cháu V và cháu D cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung, ông bà khai không có.

Quá trình chung sống, ông T, bà H thừa nhận hôn nhân không hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Cả hai đều xác định tình cảm không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quang T và bà Mai Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông T, bà H có hai người con chung tên Nguyễn Thiên V, sinh ngày 11/7/2014 và cháu Mai Khả D, sinh ngày 19/10/2016. Hai bên thống nhất giao cả hai cháu V và cháu D cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con không ai được quyền ngăn cản. Vì quyền lợi của các con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Về lệ phí Hôn nhân gia đình:** Ông T, bà H mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo biên lai thu số 0003479 ngày 29/6/2022. Ông T, bà H đã nộp đủ lệ phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hồng Duyên**